

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1604/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 05 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 3 dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130
(San Thàng – Thèn Sin – Mường So)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND
tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện
thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa
bàn tỉnh Lai Châu;
Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố
Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần
3 dự án: Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai
Châu tại Tờ trình số 678/TTr-TNMT ngày 30 / 8 /2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Lương Văn Xuân – Cư trú tại: Bản Chín Chu Chải, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 9.942.375 đồng.

(Bằng chữ: Chín triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ

thì hộ gia đình ông Lương Văn Xuân có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

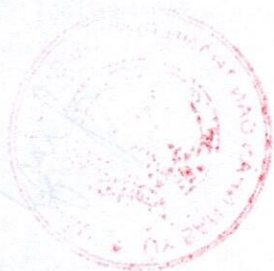
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Lai Châu;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

Handwritten marks and red ink smudges at the top center of the page.



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ BỔ SUNG LẦN 3

Dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130 (San Thàng - Thèn Sín - Mường Sô)

(Kèm theo Quyết định số: **1604** /QĐ-UBND ngày **05** tháng **9** năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Lương Văn Xuân				
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải - xã San Thàng				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b).				9,942,375
a	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do ông Hù Văn Sín tạo lập vào năm 2003 trên phần đất nông nghiệp, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, sử dụng đúng mục đích sử dụng đất) (hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo điểm c, khoản 7 điều 21 QDD16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)				7,866,375
1	Hào đào thủ công (28,5*1,1*1,0)	m3	31.4	82,500	2,586,375
2	Vận chuyển đất bằng máy dưới 2km (1,5*160 m2)	m3	240.0	11,000	2,640,000
3	Đào đất bằng máy trong phạm vi nhỏ hơn 50m (1,5*160 m2)	m3	240.0	11,000	2,640,000
b	Về cây cối hoa màu				2,076,000
1	Cây chuối chưa buồng H>1,2 m	cây	2	24,000	48,000
1	Cây tre D<5cm	cây	31	18,000	558,000
1	Cây tre D=5-10cm	cây	25	30,000	750,000
1	Cây tre D>10 cm	cây	15	48,000	720,000

